



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hoà, ngày 14 tháng 3 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi : Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) đã được kiểm toán năm 2024 như sau:

1- Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: TV4
- Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại liên hệ: 0258 – 3563999 Fax: 0258 – 3563888
- Email: tv4@pecc4.vn Website: www.pecc4.vn

2- Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2024 được kiểm toán

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con)

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/ được kiểm toán):

☐ Có ☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):

☐ Có ☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

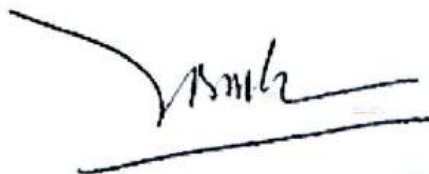
Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/03/2025 tại đường dẫn <https://pecc4.vn/quan> hệ cổ đông/ báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, P2.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



Trần Lê Thanh Bình



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 được thành lập trên cơ sở chuyển Công ty Nhà nước là Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 4 thành Công ty Cổ phần.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200385474, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 26 tháng 6 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại : (0258) 3563 999
Fax : (0258) 3563 888
Website : www.pecc4.vn

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên Đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh phía Bắc	Lô số 3, TT4, ngõ 183, phố Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Chi nhánh phía Nam	46/9 Trần Quý Khoách, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Lập quy hoạch phát triển điện lực vùng lãnh thổ, quy hoạch phát triển các tỉnh, thành phố, quận, huyện, lập quy hoạch phát triển các nguồn năng lượng mới và tái tạo.
- Lập thiết kế quy hoạch xây dựng, tư vấn kiến trúc.
- Tư vấn thiết kế, thẩm tra thiết kế các công trình năng lượng điện, như: Nguồn điện (thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, điện gió, điện mặt trời, địa nhiệt, thủy triều, điện rác, điện sinh khối, điện khí biogas, các dạng năng lượng mới và tái tạo khác); Lưới điện (đường dây và trạm biến áp) và hệ thống điện chiếu sáng; Tư vấn thiết kế, thẩm tra thiết kế phòng cháy-chữa cháy; Tư vấn thiết kế, thẩm tra thiết kế hệ thống thông tin liên lạc, viễn thông công trình công nghiệp và dân dụng.
- Tư vấn thiết kế, thẩm tra thiết kế công trình thủy lợi, công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, dân dụng, khu đô thị, khu chức năng.
- Tư vấn lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán công trình, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu.
- Tư vấn thẩm tra báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán, hồ sơ mời thầu công trình xây dựng.
- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình nguồn điện, lưới điện, công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống phòng cháy-chữa cháy, khu đô thị, các khu chức năng; Tư vấn giám sát thi công hệ thống thông tin liên lạc, viễn thông công trình công nghiệp và dân dụng.
- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng.
- Khảo sát địa hình, địa chất, địa chất công trình, địa chất thủy văn, địa kỹ thuật.
- Khảo sát, đo đạc, quan trắc khí tượng, thủy văn công trình.
- Xử lý gia cố nền móng, bao gồm: đo vẽ bản đồ địa chất công trình, địa chất thủy văn, khoan đào thăm dò, địa vật lý, khoan phụt.

49815-
II NHÁI
G TY T
OÁN và
&
NHA TR
NG - T. V

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Dịch vụ đo vẽ bản đồ địa hình (trên cạn và dưới nước bao gồm cả đáy biển), địa chính, quan trắc biến dạng công trình.
- Khảo sát, đo đạc, thu thập dữ liệu ảnh viễn thám, ứng dụng công nghệ 3D vào địa hình, địa chất.
- Giám sát khảo sát công trình.
- Khảo sát và lập báo cáo về bồi thường, tái định canh, định cư các dự án đầu tư xây dựng.
- Tư vấn kỹ thuật phục vụ: khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải.
- Hoạt động dịch vụ tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự án đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.
- Dịch vụ quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cho nhà máy điện, TBA và đường dây tải điện.

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Cao Quyền	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2022
Ông Vũ Thành Danh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2022
Ông Trần Cao Hỷ	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2023
Ông Trần Trương Hân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2022
Ông Nguyễn Chí Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Minh Hằng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Duy Quốc Việt	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Cao Hỷ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2023
Ông Vương Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Xuân Phương	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2020
Ông Đồng Trinh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 10 năm 2023
Bà Trần Lê Thanh Bình	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Cao Hỷ - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2023).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

201-C
JH
NHH
TƯ VẤN
C
NG
HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Cao Hỷ
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2025

Số: 3.0063/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 13 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Nha Trang****Phan Thị Ngọc Trâm****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0979-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hàng Quỳnh Hạnh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0963-2023-008-1

Nha Trang, ngày 13 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		220.888.687.606	228.587.858.533
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	52.415.209.032	42.444.637.336
1. Tiền	111		17.415.209.032	12.444.637.336
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	30.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.000.000.000	9.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	9.000.000.000	9.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		150.469.635.091	167.563.504.256
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	166.725.006.046	176.211.886.360
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.031.978.796	5.401.109.096
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	3.550.629.576	3.015.479.876
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(25.837.979.327)	(17.064.971.076)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		8.041.680.217	8.649.376.184
1. Hàng tồn kho	141	V.7	8.041.680.217	8.649.376.184
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		962.163.266	930.340.757
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	962.163.266	930.340.757
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		153.639.985.967	145.322.610.641
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		227.318.300	234.318.300
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	1.689.581.121	1.689.581.121
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	70.500.000	77.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.6	(1.532.762.821)	(1.532.762.821)
II. Tài sản cố định	220		20.450.407.058	24.317.284.314
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	6.236.966.707	9.155.511.335
- Nguyên giá	222		48.494.616.455	48.705.161.155
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.257.649.748)	(39.549.649.820)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	14.213.440.351	15.161.772.979
- Nguyên giá	228		23.474.416.583	23.474.416.583
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.260.976.232)	(8.312.643.604)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.995.904.067	8.788.135.574
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	21.995.904.067	8.788.135.574
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		110.521.580.931	110.633.921.195
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	103.850.000.000	103.850.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	7.091.640.000	7.091.640.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(420.059.069)	(307.718.805)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		444.775.611	1.348.951.258
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	444.775.611	1.348.951.258
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		374.528.673.573	373.910.469.174

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		109.790.600.363	114.931.151.967
I. Nợ ngắn hạn	310		109.790.600.363	114.931.151.967
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	15.651.577.176	10.241.469.519
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	21.802.762.021	23.070.090.380
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	7.702.044.578	9.195.618.039
4. Phải trả người lao động	314	V.15	46.971.640.784	58.383.570.631
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	5.811.083.925	4.908.716.269
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	3.186.554.764	3.049.470.061
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	8.664.937.115	6.082.217.068
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

815-04
NHÂN
TY TNHH
V và TU
& C
TRANG
T. KHÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		264.738.073.210	258.979.317.207
I. Vốn chủ sở hữu	410		264.738.073.210	258.979.317.207
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	198.460.160.000	198.460.160.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		198.460.160.000	198.460.160.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.19	(745.850.060)	(745.850.060)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	31.482.333.781	28.206.553.781
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	35.541.429.489	33.058.453.486
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.856.681.486	33.058.453.486
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		30.684.748.003	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		374.528.673.573	373.910.469.174



Khánh Hòa, ngày 13 tháng 3 năm 2025


Nguyễn Vũ Anh Thơ
Người lập


Trần Lê Thanh Bình
Kế toán trưởng


Trần Cao Hy
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	207.053.172.796	202.012.905.877
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		207.053.172.796	202.012.905.877
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	154.898.832.908	141.017.962.996
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.154.339.888	60.994.942.881
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	23.252.783.867	24.124.870.361
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	327.246.212	201.340.222
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	40.828.519.240	48.409.379.016
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.251.358.303	36.509.094.004
11. Thu nhập khác	31	VI.6	108.396.363	15.540.000
12. Chi phí khác	32	VI.7	851.854.666	308.215.004
13. Lợi nhuận khác	40		(743.458.303)	(292.675.004)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.507.900.000	36.216.419.000
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	2.823.151.997	3.458.622.350
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		30.684.748.003	32.757.796.650
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.551	1.396
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1.551	1.396

Nguyễn Vũ Anh Thơ
Người lập

Trần Lê Thanh Bình
Kế toán trưởng

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 3 năm 2025



Trần Cao Hỷ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		33.507.900.000	36.216.419.000
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	4.441.677.256	4.903.726.280
- Các khoản dự phòng	03	VI.4, VI.5	8.885.348.515	8.176.558.294
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(303.912.493)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.6	(22.818.631.722)	(24.021.602.954)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.712.381.556	25.275.100.620
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.743.309.797	6.753.483.912
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	607.695.967	(420.822.388)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(8.413.054.116)	(38.030.706.628)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.8	872.353.138	875.455.551
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(3.547.331.324)	(3.293.054.441)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.18	5.400.000	50.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(2.567.178.953)	(3.110.108.067)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.413.576.065	(11.900.651.441)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11 VII	(11.817.973.603)	(7.291.442.916)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6	83.636.363	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a; VI.3	22.764.176.178	24.364.074.187
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11.029.838.938	27.072.631.271

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17, 19	(19.776.755.800)	(23.721.471.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.776.755.800)	(23.721.471.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		9.666.659.203	(8.549.491.770)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	42.444.637.336	50.994.129.106
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.3	303.912.493	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	52.415.209.032	42.444.637.336

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 3 năm 2025


Nguyễn Vũ Anh Thơ
Người lập


Trần Lê Thanh Bình
Kế toán trưởng


Trần Cao Hỷ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ tư vấn.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn, khảo sát và thiết kế điện.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty liên kết

Công ty chi đầu tư vào Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn có trụ sở chính tại Tầng 7, khách sạn Biệt Điện, 01 Ngô Quyền, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh điện. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 31%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh phía Bắc	Lô số 3, TT4, ngõ 183, phố Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Chi nhánh phía Nam	46/9 Trần Quý Khoách, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 403 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 426 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cost và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cost và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cost được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất lâu dài nhận bàn giao từ Công ty Nhà Nước được xác định theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt) để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Quyết định Hội đồng quản trị về việc chi trả cổ tức.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	69.577.000	792.916.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.345.632.032	11.651.721.336
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	35.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	52.415.209.032	42.444.637.336

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 tháng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết	103.850.000.000	-	103.850.000.000	-		
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn ⁽ⁱ⁾	103.850.000.000	-	462.149.258.600	103.850.000.000	-	383.397.367.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.091.640.000	(420.059.069)	7.091.640.000	(307.718.805)		
Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang ⁽ⁱⁱ⁾	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-		
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.050.000.000	-	2.289.000.000	1.050.000.000	-	2.604.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khánh Hòa – Hà Nội ^(iv)	1.041.640.000	(420.059.069)	1.041.640.000	(307.718.805)		
Cộng	110.941.640.000	(420.059.069)	110.941.640.000	(307.718.805)		

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000884487 thay đổi lần thứ 11 ngày 29 tháng 9 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn có vốn điều lệ là 668.509.750.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính và ngày đầu năm, Công ty nắm giữ 20.724.182 cổ phiếu, tương đương 31% vốn điều lệ.

(ii) Công ty nắm giữ 500.000 cổ phiếu, tương đương 6,46% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang.

(iii) Công ty nắm giữ 105.000 cổ phiếu.

(iv) Công ty nắm giữ 104.164 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn đang hoạt động kinh doanh bình thường.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	307.718.805	194.985.090
Trích lập dự phòng bổ sung	112.340.264	112.733.715
Số cuối năm	420.059.069	307.718.805

Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Nhận cổ tức bằng tiền	20.724.182.000	20.315.915.614
Doanh thu khảo sát thiết kế	291.666.667	760.290.111

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	96.375.382.930	105.962.436.383
Ban Quản lý dự án các công trình Điện Miền Trung	36.040.916.566	36.212.205.429
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc	16.827.859.384	35.519.462.217
Ban Quản lý dự án các công trình Điện Miền Nam	9.802.129.547	6.916.891.999
Ban Quản lý dự án Điện 1	9.386.963.204	1.937.281.200
Ban Quản lý dự án Điện 3	5.694.072.041	5.587.214.372
Ban Quản lý dự án Truyền tải điện	3.794.758.108	4.034.259.800
Ban Quản lý dự án Điện 2	2.264.238.470	2.435.816.163
Công ty Thủy điện Ialy	2.250.890.109	2.204.160.000
Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn	1.309.874.334	-
Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân	1.137.467.759	1.137.467.759
Ban Quản lý dự án Lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh	1.003.347.579	355.689.350
Công ty Truyền tải Điện 1	899.613.060	227.613.059
Ban Quản lý dự án Điện nông thôn Miền Trung	890.252.406	890.252.406
Tổng công ty Phát điện 1	787.670.262	787.670.262
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	668.800.000	-
Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	607.592.593	487.496.620
Công ty Phát triển thủy điện Sê San	535.131.562	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	456.387.336	644.722.191



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	447.000.000	-
Công ty Truyền tải điện 3	384.332.865	449.560.982
Công ty Thủy điện Sông Bung	72.474.243	524.584.972
Ban Quản lý dự án Lưới điện Miền Trung	178.535.408	178.535.408
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	109.822.614	109.822.614
Công ty Nhiệt điện Uông Bí	331.482.857	379.747.957
Công ty Nhiệt điện Mông Dương	67.868.127	67.868.127
Công ty Điện lực Bà Rịa-Vũng Tàu	54.798.365	-
Công ty Thủy điện An Khê KaNak	27.886.345	1.014.011.337
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	9.443.330	588.610.800
Công ty Truyền Tải Điện 2	-	315.856.799
Công ty thủy điện Sông Tranh	-	1.899.644.196
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	573.256.284
Công ty Thủy điện Trị An	-	482.734.080
Công ty Thủy điện Hòa Bình	333.774.456	-
Phải thu các khách hàng khác	70.349.623.116	70.249.449.977
Công ty TNHH Điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam	23.122.825.360	24.122.825.360
Các khách hàng khác	47.226.797.756	46.126.624.617
Cộng	166.725.006.046	176.211.886.360

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	156.818.300	156.818.300
Ban Quản lý dự án Thủy điện 2	156.818.300	156.818.300
Phải thu các khách hàng khác	1.532.762.821	1.532.762.821
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Nho Quế	1.532.762.821	1.532.762.821
Cộng	1.689.581.121	1.689.581.121

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn điện và Xây dựng miền Trung	-	1.418.463.200
Công ty Cổ phần Đầu tư An Minh Phát	-	1.158.432.000
Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư	-	657.370.298
Công ty TNHH Đại Toàn Thắng	835.978.764	-
Các nhà cung cấp khác	5.196.000.032	2.166.843.598
Cộng	6.031.978.796	5.401.109.096

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	210.227.399	-	239.408.218	-
Tạm ứng	2.632.993.260	-	1.827.933.661	-
Phải thu người lao động	291.000.000	-	534.000.000	-
Các khoản phải thu khác	416.408.917	-	414.137.997	-
Cộng	3.550.629.576	-	3.015.479.876	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Đắk Lắk I	Từ 1 đến 2 năm	2.834.797.548	1.417.398.774	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	2.834.797.548	2.834.797.548
Công ty Cổ phần Điện gió Phước Hữu Trung Nam	Từ 1 đến 2 năm	2.700.000.000	2.025.000.000	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	2.770.500.000	2.770.500.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam	Từ 2 đến 3 năm	23.122.825.360	6.628.909.281	Từ 1 đến 2 năm	24.122.825.360	14.179.518.758
Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	Trên 3 năm	2.481.247.709	-	Trên 3 năm	2.481.247.709	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Nho Quế	Trên 3 năm	1.532.762.821	-	Trên 3 năm	1.532.762.821	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Hồi Xuân VNECO	Trên 3 năm	1.250.878.691	-	Trên 3 năm	1.250.878.691	-
Tổng cục Năng lượng - Bộ Công thương	Trên 3 năm	1.197.720.894	-	Trên 3 năm	1.197.720.894	-
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	2.321.817.180	-	Trên 3 năm	2.321.817.180	130.000.000
Cộng		37.442.050.203	10.071.308.055		38.512.550.203	19.914.816.306

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	17.064.971.076	1.532.762.821	18.597.733.897
Trích lập dự phòng bổ sung	8.773.008.251	-	8.773.008.251
Số cuối năm	25.837.979.327	1.532.762.821	27.370.742.148

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	276.460.278	-	361.818.867	-
Công cụ, dụng cụ	80.575.048	-	164.218.131	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.684.644.891	-	8.123.339.186	-
Cộng	8.041.680.217	-	8.649.376.184	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thường niên phần mềm	867.163.266	789.300.092
Chi phí thuê văn phòng	95.000.000	84.000.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	57.040.665
Cộng	962.163.266	930.340.757

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	331.300.011	690.927.778
Chi phí sửa chữa	-	464.649.480
Các chi phí trả trước dài hạn khác	113.475.600	193.374.000
Cộng	444.775.611	1.348.951.258

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	11.167.591.541	15.325.070.887	18.016.805.749	4.195.692.978	48.705.161.155
Mua trong năm	-	499.000.000	-	75.800.000	574.800.000
Thanh lý	-	-	(785.344.700)	-	(785.344.700)
Số cuối năm	11.167.591.541	15.824.070.887	17.231.461.049	4.271.492.978	48.494.616.455
Trong đó:					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	394.989.091	12.373.900.887	9.976.258.322	2.527.395.164	25.272.543.464
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	7.988.402.822	13.597.032.178	14.916.738.918	3.047.475.902	39.549.649.820
Khấu hao trong năm	577.362.936	683.153.712	1.551.709.830	681.118.150	3.493.344.628
Thanh lý	-	-	(785.344.700)	-	(785.344.700)
Số cuối năm	8.565.765.758	14.280.185.890	15.683.104.048	3.728.594.052	42.257.649.748
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.179.188.719	1.728.038.709	3.100.066.831	1.148.217.076	9.155.511.335
Số cuối năm	2.601.825.783	1.543.884.997	1.548.357.001	542.898.926	6.236.966.707
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.557.463.000	6.916.953.583	23.474.416.583
Số cuối năm	16.557.463.000	6.916.953.583	23.474.416.583
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	341.156.100	3.881.309.083	4.222.465.183
Chờ thanh lý	-	-	-

U0449
CHI
ÔNG
M TOA
A
Tại NH
TRANG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	3.150.429.725	5.162.213.879	8.312.643.604
Khấu hao trong năm	182.446.992	765.885.636	948.332.628
Số cuối năm	3.332.876.717	5.928.099.515	9.260.976.232
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	13.407.033.275	1.754.739.704	15.161.772.979
Số cuối năm	13.224.586.283	988.854.068	14.213.440.351
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng nhà xưởng thiết kế tại 38 Lê Thành Phương, chi tiết như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	8.788.135.574
Phát sinh trong năm	13.207.768.493
Số cuối năm	21.995.904.067

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.269.788.028	1.635.291.328
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	1.269.788.028	1.635.291.328
Phải trả các nhà cung cấp khác	14.381.789.148	8.606.178.191
Công ty Cổ phần Xây dựng Lũng Lô 9	1.704.564.581	1.704.564.581
Các nhà cung cấp khác	12.677.224.567	6.901.613.610
Cộng	15.651.577.176	10.241.469.519

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	2.027.083.325	2.241.669.376
Ban Quản lý dự án Điện lực Miền Nam	1.160.387.858	1.193.333.141
Ban Quản lý dự án Thủy Điện 2	699.052.326	699.052.326
Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 3	10.532.977	253.209.816
Công ty Truyền tải Điện 4	59.360.345	64.860.345
Công ty Cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	97.749.819	-
Công ty Lưới điện cao thế Thành phố Hồ Chí Minh	-	31.213.748
Trả trước của các khách hàng khác	19.775.678.696	20.828.421.004
Các khách hàng khác	19.775.678.696	20.828.421.004
Cộng	21.802.762.021	23.070.090.380

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.838.975.055	10.393.112.503	(11.158.348.164)	6.073.739.394
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.777.771.984	2.823.151.997	(3.547.331.324)	1.053.592.657
Thuế thu nhập cá nhân	578.871.000	2.005.823.804	(2.009.982.277)	574.712.527
Thuế nhà thầu	-	77.346.972	(77.346.972)	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	5.212.323	(5.212.323)	-
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	9.195.618.039	15.307.647.599	(16.801.221.060)	7.702.044.578

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ với thuế suất của dịch vụ tư vấn thiết kế, khảo sát là 10%.

Năm 2024, thuế suất giá trị gia tăng của các mặt hàng, dịch vụ chịu thuế 10% giảm xuống còn 8% theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 và Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.507.900.000	36.216.419.000
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	589.782.653	268.164.792
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	34.097.682.653	36.484.583.792
Thu nhập được miễn thuế	(21.402.682.000)	(21.588.915.614)
Thu nhập tính thuế	12.695.000.653	14.895.668.178
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.539.000.131	2.979.133.635
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	284.151.866	479.488.715
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.823.151.997	3.458.622.350

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Phải trả người lao động

Quỹ lương chưa chi hết cho người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thực hiện dự án	4.432.996.925	4.234.162.269
Các chi phí khác	1.378.087.000	674.554.000
Cộng	5.811.083.925	4.908.716.269

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.659.879.935</i>	<i>1.659.879.935</i>
Tập đoàn điện lực Việt Nam - Lãi trái phiếu	1.659.879.935	1.659.879.935
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.526.674.829</i>	<i>1.389.590.126</i>
Kinh phí công đoàn	747.276.597	745.505.217
Cổ tức phải trả	91.731.041	86.993.841
Phải trả về cổ phần hóa	2.100.000	2.100.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	685.567.191	554.991.068
Cộng	3.186.554.764	3.049.470.061

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích từ lợi nhuận	Tiền thưởng từ UBND tỉnh Khánh Hòa	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	3.973.327.013	2.948.201.400	5.400.000	(1.487.460.000)	5.439.468.413
Quỹ phúc lợi	1.711.490.055	1.965.467.600	-	(682.318.953)	2.994.638.702
Quỹ thưởng Ban điều hành	397.400.000	230.830.000	-	(397.400.000)	230.830.000
Cộng	6.082.217.068	5.144.499.000	5.400.000	(2.567.178.953)	8.664.937.115

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	198.460.160.000	(745.850.060)	15.750.789.352	41.873.918.636	255.339.017.928
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	32.757.796.650	32.757.796.650
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2022	-	-	12.455.764.429	(12.455.764.429)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(4.982.305.771)	(4.982.305.771)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(397.400.000)	(397.400.000)
Chia cổ tức năm 2022	-	-	-	(23.737.791.600)	(23.737.791.600)
Số dư cuối năm trước	198.460.160.000	(745.850.060)	28.206.553.781	33.058.453.486	258.979.317.207

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	198.460.160.000	(745.850.060)	28.206.553.781	33.058.453.486	258.979.317.207
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	30.684.748.003	30.684.748.003
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm trước	-	-	3.275.780.000	(3.275.780.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(4.913.669.000)	(4.913.669.000)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(230.830.000)	(230.830.000)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(19.781.493.000)	(19.781.493.000)
Số dư cuối năm nay	198.460.160.000	(745.850.060)	31.482.333.781	35.541.429.489	264.738.073.210

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết vốn góp theo cổ đông lớn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	142.193.880.000	142.193.880.000
Các cổ đông khác	56.266.280.000	56.266.280.000
Cộng	198.460.160.000	198.460.160.000

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.846.016	19.846.016
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.846.016	19.846.016
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(64.523)	(64.523)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.781.493	19.781.493

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 290/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số trích trong năm nay
• Trích quỹ đầu tư phát triển	3.275.780.000	-	3.275.780.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.913.669.000	-	4.913.669.000
• Trích quỹ thưởng ban điều hành	230.830.000	-	230.830.000
• Chia cổ tức cho cổ đông	19.781.493.000	-	19.781.493.000

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

20a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền chi có 320.986,5 USD (số đầu năm là 176.509,15 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế 1	6.037.929.873	6.037.929.873
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc	5.919.992.822	5.919.992.822
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai	5.318.864.000	5.318.864.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Nhân Luật	3.054.527.900	3.054.527.900
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Ngầm	2.969.910.000	2.969.910.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh - Ban Mê	2.920.004.170	2.920.004.170
Các khách hàng khác	2.971.874.655	2.971.874.655
Cộng	29.193.103.420	29.193.103.420



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động khảo sát	72.503.017.754	61.101.184.700
Doanh thu hoạt động thiết kế	134.549.747.246	140.911.278.105
Doanh thu khác	407.796	443.072
Cộng	207.053.172.796	202.012.905.877

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc	30.076.722.216	46.144.505.942
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	21.407.329.184	29.859.244.200
Ban Quản lý dự án Truyền Tải Điện – Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc Gia	14.805.259.193	2.941.554.955
Ban Quản lý dự án Điện 1	14.072.885.930	300.000.000
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Nam	10.406.313.598	33.086.868.917
Ban Quản lý dự án Điện 3	9.889.231.140	989.767.735
Công ty Truyền tải Điện 1	3.127.272.729	-
Công ty Truyền tải Điện 3	2.970.970.701	1.420.729.974
Ban Quản lý dự án Điện 2	2.225.010.909	3.037.218.921
Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn	1.511.172.224	-
Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	1.264.226.843	451.650.360
Ban Quản lý dự án Lưới điện thành phố Hồ Chí Minh	1.250.795.288	37.394.785
Công ty Điện lực Bà Rịa-Vũng Tàu	1.095.967.322	-
Công ty Thủy điện Italy	969.194.545	2.040.888.889
Công ty Truyền tải điện 4	815.488.216	-
Công ty Thủy điện Quảng Trị	694.615.444	-
Ban Quản lý dự án Điện lực Miền Nam	678.478.396	2.647.851.664
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	619.259.259	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 3	609.115.583	261.134.599
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	563.215.488	500.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	551.851.852	-
Công ty Phát triển Thủy điện Sê San	495.492.187	36.703.136
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	453.636.364	338.958.685
Tổng Công ty Phát điện 3	424.000.000	999.673.819
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	404.592.727	578.976.852
Công ty Thủy điện Hòa Bình	309.050.422	-
Công ty Thủy điện Đại Ninh	231.487.037	-
Công ty Thủy điện Sông Bung	226.851.852	852.494.299
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	164.036.363	-
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	407.796	443.072
Công ty Thủy điện Sông Tranh	-	2.198.662.263
Công ty Thủy điện An Khê-Ka Nak	-	938.899.386
Tập đoàn điện lực Việt Nam	-	914.339.318
Công ty Nhiệt điện Mông Dương	-	628.408.591
Công ty Thủy điện Trị An	-	460.800.000
Công ty Truyền tải Điện 2	-	292.459.999
Công ty Nhiệt điện Cần Thơ	-	269.780.000
Ban Quản lý dự án Điện nông thôn miền Trung	-	221.453.535
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	-	40.079.303

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động khảo sát	55.151.152.166	43.403.484.780
Giá vốn hoạt động thiết kế	99.747.680.742	97.614.478.216
Cộng	154.898.832.908	141.017.962.996

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.332.313.359	2.432.687.340
Cổ tức được chia	21.402.682.000	21.588.915.614
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	213.876.015	103.267.407
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	303.912.493	-
Cộng	23.252.783.867	24.124.870.361

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng tổn thất đầu tư	112.340.264	112.733.715
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	214.905.948	88.606.507
Cộng	327.246.212	201.340.222



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	15.683.192.532	19.955.453.421
Chi phí vật liệu quản lý	276.944.311	700.442.735
Chi phí khấu hao tài sản cố định	327.778.256	417.459.103
Thuế, phí và lệ phí	22.712.323	28.212.323
Dự phòng phải thu khó đòi	8.773.008.251	8.063.824.579
Chi phí dịch vụ mua ngoài	739.819.977	685.084.094
Các chi phí khác	15.005.063.590	18.558.902.761
Cộng	40.828.519.240	48.409.379.016

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	83.636.363	-
Thu nhập khác	24.760.000	15.540.000
Cộng	108.396.363	15.540.000

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hợp đồng	343.928.013	85.746.212
Thuế phạt chậm nộp	174.733.346	32.884.636
Chi phí khác	333.193.307	189.584.156
Cộng	851.854.666	308.215.004

8. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.684.748.003	32.757.796.650
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(4.913.669.000)
Trích thường Ban quản lý điều hành	-	(230.830.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	30.684.748.003	27.613.297.650
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	19.781.493	19.781.493
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.551	1.396

Lãi trên cổ phiếu năm trước cũng được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.656 VND xuống còn 1.396 VND.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.620.033.705	10.468.354.984
Chi phí nhân công	92.268.170.700	99.777.267.105
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.441.677.256	4.903.726.280
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.620.517.046	24.548.705.224
Chi phí khác	50.338.259.146	50.233.771.831
Cộng	195.288.657.853	189.931.825.424

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Công nợ liên quan đến mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, công nợ liên quan đến mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng trước tiền mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	169.433.286	724.803.584
Phải trả tiền mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.892.112.406	482.887.814

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Theo Nghị quyết số 1938/NQ-HĐQT ngày 20/12/2011 của Hội đồng quản trị về việc “thông qua cam kết hỗ trợ vay vốn Dự án Thủy điện Srêpôk 4A của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn”, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 thông qua cam kết hỗ trợ vay vốn Dự án Thủy điện Srêpôk 4A của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn như sau:

- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 sẽ không chuyển nhượng các cổ phần của Công ty đang sở hữu nếu chưa được sự đồng ý trước của Bên cho vay kể từ ngày cam kết chứng nhận này cho tới khi toàn bộ số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng được hoàn trả hết;
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 sẽ cùng với các cổ đông liên quan tới EVN và các cổ đông cá nhân góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn theo hình thức góp vốn hoặc các khoản vay bổ sung, để đảm bảo sự thiếu hụt về tiền mặt có thể xảy ra trong tương lai của quá trình vay vốn, nhằm đảm bảo khả năng trả nợ của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.



Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	Chức danh	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay					
Ông Lê Cao Quyền	Chủ tịch HĐQT	370.223.000	62.600.000	-	432.823.000
Ông Trần Cao Hỷ	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	356.513.000	55.000.000	-	411.513.000
Ông Vũ Thành Danh	Thành viên HĐQT	291.586.000	62.300.000	-	353.886.000
Ông Trần Trương Hân	Thành viên HĐQT	-	9.300.000	29.900.000	39.200.000
Ông Nguyễn Chí Quang	Thành viên HĐQT	-	5.300.000	69.960.000	75.260.000
Ông Nguyễn Xuân Phương	Phó Tổng Giám đốc	291.586.000	92.400.000	-	383.986.000
Ông Vương Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	301.012.000	59.400.000	-	360.412.000
Ông Đồng Trinh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	303.593.000	6.000.000	-	309.593.000
Bà Nguyễn Minh Hằng	Trưởng Ban kiểm soát	-	-	74.880.000	74.880.000
Ông Nguyễn Duy Quốc Việt	Kiểm soát viên	-	10.000.000	71.760.000	81.760.000
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Kiểm soát viên	-	10.000.000	71.760.000	81.760.000
Cộng		1.914.513.000	372.300.000	318.260.000	2.605.073.000
Năm trước					
Ông Lê Cao Quyền	Chủ tịch HĐQT	289.968.000	8.000.000	-	297.968.000
Ông Vũ Thành Danh	Thành viên HĐQT	263.112.000	7.000.000	-	270.112.000
Ông Trần Cao Hỷ	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc (từ ngày 26/6/2023)				
Ông Trần Trương Hân	Thành viên HĐQT	-	7.000.000	49.404.000	56.404.000
Ông Nguyễn Chí Quang	Thành viên HĐQT	-	6.000.000	49.404.000	55.404.000
Ông Nguyễn Xuân Phương	Phó Tổng Giám đốc	246.996.000	7.000.000	-	253.996.000
Ông Vương Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	246.996.000	7.000.000	-	253.996.000
Ông Đồng Trinh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 06/10/2023)	61.749.000	-	-	61.749.000
Bà Nguyễn Minh Hằng	Trưởng Ban kiểm soát (từ ngày 21/6/2023)	-	-	26.904.000	26.904.000
Ông Nguyễn Minh Hải	Trưởng Ban kiểm soát (đến ngày 21/6/2023)	-	-	24.636.000	24.636.000
Ông Nguyễn Duy Quốc Việt	Kiểm soát viên	-	-	49.404.000	49.404.000
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Kiểm soát viên	-	-	49.404.000	49.404.000
Cộng		1.371.933.000	50.000.000	249.156.000	1.671.089.000

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ, nắm giữ 71,65% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Công ty liên kết, Công ty sở hữu 31% vốn điều lệ
Các công ty/Ban quản lý khác trong cùng tập đoàn	Công ty cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<i>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</i>		
Công ty chia cổ tức	14.219.388.000	17.063.265.600

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

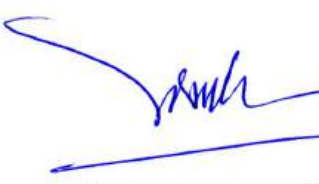
Công nợ với các bên liên quan khác
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.12, V.13 và V.17.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 3 năm 2025


Nguyễn Vũ Anh Thơ
Người lập


Trần Lê Thanh Bình
Kế toán trưởng



Trần Cao Hỷ
Tổng Giám đốc



**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

Head Office : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam

Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn